

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **160** /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày **25** tháng **9** năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc cho ý kiến về đề án Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt,
huyện Đakrông đến năm 2045

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2021, định hướng đến năm 2025; Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2023 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Trên cơ sở kết quả tổng hợp thẩm định của Sở Xây dựng và đề nghị của UBND huyện Đakrông, UBND tỉnh báo cáo và kính trình HĐND tỉnh cho ý kiến về đề án Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2045, với nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2045.

2. Vị trí và ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi và ranh giới: thuộc xã Tà Rụt và xã A Ngo, huyện Đakrông; có ranh giới như sau: Phía Bắc: Giáp thôn A Liêng; Phía Nam: Giáp xã A Ngo; Phía Đông: Giáp khu vực đồi Plăng và đồi Tăng Oar; Phía Tây: Giáp núi Tà Pùng, núi Đòong;

- Quy mô diện tích: 1.416 ha.

3. Mục tiêu, tính chất:

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 -2021, định hướng đến năm 2025; Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng phát triển đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, Logistics gắn liền với Cửa Khẩu Quốc tế La Lay;

- Là cơ sở cho việc lập chương trình phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng.

3.2. Tính chất:

Là đô thị tổng hợp trực thuộc huyện Đakrông, là đô thị loại V; phát triển đa ngành, đa lĩnh vực gồm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp - Làng nghề - Logistics, Thương mại - dịch vụ - du lịch, Nông - Lâm nghiệp...; là một trong những trung tâm giao lưu phát triển kinh tế - văn hóa giữa các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng qua cửa khẩu Quốc tế La Lay; có vị trí quan trọng về quốc phòng và an ninh biên giới.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản:

- Dự báo dân số đến năm 2035 khoảng 13.324 người; đến năm 2045 khoảng 18.970 người.

- Chỉ tiêu sử dụng đất: Đất dân dụng bình quân toàn đô thị từ $70 \div 100$ m²/người; Đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị từ $45 \div 55$ m²/người; Đất cây xanh đô thị từ $4 \div 7$ m²/người;

- Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội áp dụng theo tiêu chí đô thị loại V.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đô thị là 1.416 ha. Định hướng quy hoạch sử dụng đất cụ thể như sau:

5.1. Giai đoạn đến năm 2035:

- Khu đất xây dựng đô thị có diện tích là 269,54 ha, chiếm khoảng 19,04% tổng diện tích đất, gồm:

+ Khu đất dân dụng là 127,4 ha, chiếm khoảng 9,0% tổng diện tích đất, gồm các loại đất: Nhóm nhà ở; giáo dục; dịch vụ, công cộng khác; cơ quan, trụ sở cấp đô thị; cây xanh sử dụng công cộng; giao thông đô thị; hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị.

+ Khu đất ngoài dân dụng là 142,14 ha, chiếm khoảng 10,04% tổng diện tích đất, gồm các loại đất: Sản xuất công nghiệp, kho tàng; thương mại; dịch vụ, du lịch; trung tâm y tế; trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; cơ quan, trụ sở ngoài đô thị; trung tâm văn hóa, thể thao; cây xanh chuyên dụng; nghĩa trang; an ninh - quốc phòng; hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị; giao thông đối ngoại.

- Khu đất nông nghiệp và đất khác là 1.146,46 ha chiếm 80,96% tổng diện tích đất, gồm các loại đất: Sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; chưa sử dụng; mặt nước (sông, suối, kênh, rạch).

5.2. Giai đoạn đến năm 2045:

- Khu đất xây dựng đô thị là 426,38 ha, chiếm khoảng 30,11% tổng diện tích đất, gồm:

+ Khu đất dân dụng là 189,39 ha, chiếm khoảng 13,37% tổng diện tích đất, gồm các loại đất: Nhóm nhà ở; giáo dục; dịch vụ, công cộng khác; cơ quan, trụ sở cấp đô thị; cây xanh sử dụng công cộng; giao thông đô thị; hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị.

+ Khu đất ngoài dân dụng là 236,99 ha, chiếm khoảng 16,74% tổng diện tích đất, gồm các loại đất: Sản xuất công nghiệp, kho tàng; thương mại; dịch vụ, du lịch; trung tâm y tế; trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu; cơ quan, trụ sở ngoài đô thị; trung tâm văn hóa, thể thao; cây xanh chuyên dụng; nghĩa trang; an ninh - quốc phòng; hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị; giao thông đối ngoại; khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Khu đất nông nghiệp và đất khác là 989,62 ha chiếm 69,89% tổng diện tích đất, gồm các loại đất: Sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; chưa sử dụng; mặt nước (sông, suối, kênh, rạch).

6. Định hướng phát triển không gian đô thị:

6.1. Hướng phát triển đô thị:

Phát triển đô thị Tà Rụt trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại, công nghiệp, Logistics gắn liền với Cửa khẩu Quốc tế La Lay, kết nối với cảng Mỹ Thủy trên cơ sở hệ thống giao thông Quốc lộ 15D, đường Hồ Chí Minh nhánh Tây.

- Về thương mại - dịch vụ:

Hình thành trung tâm tài chính - thương mại quốc tế, hội chợ, sàn giao dịch tại khu vực trung tâm tiếp giáp với đường Hồ Chí Minh; Xây dựng Chợ trung tâm định hướng phát triển thành chợ đầu mối, ưu tiên phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại đáp ứng nhu cầu cung cấp hàng hóa hai bên biên giới; phát triển các điểm thương mại, dịch vụ trong các khu đô thị đảm bảo nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân.

- Về du lịch:

Phát triển khu vực Tà Rụt - La Lay thành một địa điểm hấp dẫn để nghỉ ngơi và mua sắm giữa Lào và Việt Nam. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng nhằm khai thác cảnh quan thiên nhiên tại khu vực. Khai thác phát triển du lịch sinh thái ngoài trời, du lịch khám phá, trải nghiệm tại các rừng đặc dụng có thảm thực vật phong phú, đa dạng như Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông.

Phát triển các điểm du lịch sinh cộng đồng gắn với văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào Vân Kiều, Pa Cô; khôi phục, bảo tồn, phát huy các lễ hội văn hóa cộng đồng, nhạc cụ truyền thống, ẩm thực...

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, logistics:

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đa ngành, ưu tiên phát triển công nghiệp đóng gói, chế biến nông sản, sản xuất linh kiện, lắp ráp điện tử, may mặc... gắn với xuất nhập khẩu qua Lào và Thái Lan, tập trung phát triển theo hướng công nghệ hiện đại; đối với làng nghề ưu tiên phát triển ngành nghề địa phương như mộc mỹ nghệ, chế biến thức ăn, dược liệu,... các cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề tập trung phát triển theo hướng tích hợp đa năng và phát triển bền vững. Phát triển khu dịch vụ logistics, kết nối giữa khu trung tâm thương mại và công nghiệp.

- Về nông, lâm nghiệp:

Phát triển quy mô nhỏ diện tích canh tác trong khu vực thì yêu cầu phải xây dựng vùng nông nghiệp tập trung có quy mô phù hợp với loại hình sản xuất và điều kiện của địa phương. Dự kiến sẽ mở rộng diện tích với quy mô nhỏ, phát triển mở rộng phần diện tích sang phía Tây sông Đakrông, tận dụng phần diện tích ven sông để phát triển diện tích trồng lúa nước cho năng suất cao, đảm bảo nhu cầu lương thực của người dân. Đối với đất cây trồng hàng năm khác ưu tiên xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý vùng sản xuất và diện tích canh tác cho phát triển các cây bản địa có hiệu quả.

Định hướng giảm diện tích rừng trồng tự nhiên để dành đất cho xây dựng đô thị, tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết trên toàn khu vực với các vùng trồng lân cận để tạo vùng nguyên liệu tập trung và đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm, thiết lập hệ thống sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (tiêu chuẩn Chứng chỉ rừng FSC) và tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ để đáp ứng xu thế, nhu cầu thế giới về sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và thân thiện với môi trường.

6.2. Phân khu chức năng đô thị:

Đô thị mới Tà Rụt quy hoạch đến năm 2045 với diện tích 1.416 ha, bao gồm các thôn Tà Rụt 1, Tà Rụt 2, Tà Rụt 3, A Pul, A Đăng, Vực Leng, A Liêng của xã Tà Rụt và 02 thôn Kỳ Neh, A Ngo của xã A Ngo. Không gian đô thị được định hướng phát triển đô thị theo các phân khu:

- Khu vực trung tâm hành chính đô thị: Diện tích khoảng 100,0 ha thuộc 03 thôn Tà Rụt 1, Tà Rụt 2 và Tà Rụt 3 để xây dựng khu hành chính, các nhóm nhà ở, các công trình dịch vụ, công cộng đô thị.

- Khu vực chức năng đô thị: Diện tích khoảng 700 ha, chia thành các khu vực bao gồm: Các nhóm nhà ở tại các thôn Vực Leng, Kỳ Neh, A Ngo; Khu trung tâm Thương mại - dịch vụ tại thôn A Pul; Khu Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, Logistics tại thôn A Đăng và Vực Leng.

- Khu vực phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái có diện tích khoảng 616 ha.

6.3. Định hướng phát triển các công trình dịch vụ - công cộng:

- Trung tâm hành chính đô thị:

Giai đoạn đến 2035, các công trình trụ sở cơ quan hành chính đô thị, trụ sở công an, bưu điện, các nhà sinh hoạt cộng đồng thôn được cải tạo trên cơ sở giữ nguyên vị trí hiện trạng. Giai đoạn từ 2036 - 2045, xây dựng mới trung tâm hành chính đô thị mới tại thôn Tà Rụt 3, bố trí cụm các cụm công trình trụ sở cơ quan, quảng trường, nhà văn hóa trung tâm, trung tâm thương mại,... theo tiêu chí đô thị loại V.

- Trung tâm y tế:

Trung tâm Y tế Tà Rụt (cấp huyện): Giai đoạn đến 2035, xây dựng Trung tâm Y tế đạt chuẩn quốc gia, với quy mô 50 giường bệnh; giai đoạn từ 2036 - 2045, nâng cấp thành Bệnh viện đa khoa khu vực với quy mô 80 giường bệnh.

Trạm Y tế Tà Rụt (cấp đô thị): Giai đoạn đến 2035 tại thôn A Đăng duy trì cơ sở với 8 - 10 giường bệnh; giai đoạn từ 2036 - 2045, mở rộng thêm diện tích, nâng cấp quy mô lên 10 - 12 giường bệnh.

- Giáo dục, đào tạo:

Trung tâm đào tạo: Xây dựng cơ sở dạy nghề tại thôn A Đăng với tổng diện tích đất 2,99 ha.

Trường Trung học phổ thông: Duy trì phát triển Trường phổ thông dân tộc nội trú của huyện đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn ngắn hạn; Giai đoạn năm 2036 - 2045, xây dựng mới trường phổ thông trung học tại thôn Tà Rụt 1 với diện tích 1,05ha.

Trường Trung học cơ sở: Giai đoạn đến 2035, giữ nguyên trường THCS & THPT Đakrông, sẽ chuyển thành trường THCS phục vụ cho học sinh khu vực các thôn Tà Rụt 1, 2, 3 và A Ngo, Kỳ Neh. Giai đoạn 2036 - 2045, phát triển

thêm 01 trường TH&THCS tại khu vực thôn A Đăng phục vụ cho học sinh khu vực các thôn A Đăng, Vực Leng và A Liêng với quy mô khoảng 200 - 230 học sinh; dự kiến quỹ đất giáo dục tại khu vực thôn A Pul, nhằm kêu gọi xã hội hóa đầu tư để phục vụ học sinh tại các Cụm công nghiệp làng nghề, thương mại, dịch vụ và khu vực cư dân thôn A Pul.

Trường Tiểu học: Giai đoạn đến 2035, duy trì, phát triển trường Tiểu học Tà Rụt phục vụ cho học sinh các thôn Tà Rụt 1, Tà Rụt 2 và Tà Rụt 3; điểm trường tại thôn A Ngo để phục vụ con em khu vực thôn A Ngo, Kỳ Neh; điểm trường Tiểu học A Đăng và điểm A Liêng phục vụ cho học sinh khu vực các thôn A Đăng, Vực Leng và A Liêng. Giai đoạn 2036 - 2045, quy hoạch vị trí điểm trường học mới tại thôn A Ngo, thôn A Pul.

Trường Mầm non: Giai đoạn đến năm 2035, duy trì các điểm mầm non hiện có trong khu vực; giai đoạn 2036 - 2045, đầu tư xây dựng mới trường mới theo quy hoạch đảm bảo bán kính phục vụ.

- Văn hóa, thể dục thể thao: Nâng cấp, cải tạo, xây mới các nhà văn hóa, sân chơi thể dục thể thao; định hướng sau năm 2035, hình thành trung tâm văn hóa, trung tâm thể dục thể thao tại thôn A Pul.

- Thương mại, dịch vụ: Giai đoạn đến năm 2035, duy trì, hoàn thiện chợ Tà Rụt với quy mô diện tích 0,44 ha, đáp ứng nhu cầu của người dân. Giai đoạn 2036 - 2045, xây dựng chợ đầu mối đô thị tại Km296+200 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây với diện tích 1,14 ha; phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại tại khu vực trung tâm đô thị.

7. Thiết kế đô thị:

7.1. Phân vùng cảnh quan:

- Khu vực rừng núi: là khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường; phát triển mô hình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, phục hồi rừng sản xuất.

- Khu vực ven sông: là khu vực cảnh quan ven sông Đakrông.

- Khu vực xây dựng đô thị: Định hướng cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V, phù hợp với khí hậu, phong tục, tập quán và gìn giữ bản sắc kiến trúc của địa phương; Hình thành các khu dân cư mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

7.2. Tổ chức không gian:

- Cửa ngõ đô thị có 03 vị trí, gồm: Cửa ngõ số 1 tại vị trí Km293+320 tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây thuộc thôn A Liêng; Cửa ngõ số 2 tại vị trí Km301+330 tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây thuộc thôn Tà Rụt 3; Cửa ngõ số 3 trên tuyến đường ĐH73 thuộc thôn Kỳ Neh.

- Các trục không gian chính: Trục đường Hồ Chí Minh đoạn đi qua các thôn Tà Rụt 1, Tà Rụt 2, Tà Rụt 3 và tuyến đường trung tâm có mặt cắt ngang 26,0m. Bố trí các công trình hành chính, văn hóa, y tế, thể dục thể thao, trung tâm thương mại - dịch vụ.

- Không gian mở: Quảng trường trung tâm; các công viên cây xanh đô thị; không gian cây xanh hai bên sông Đakrông kết hợp các hồ nước xen kẽ các khu chức năng trong đô thị, tạo điểm nhấn về không gian đồng thời góp phần cải tạo môi trường vi khí hậu.

- Các công trình điểm nhấn: Các công trình kiến trúc tại trung tâm hành chính đô thị, trung tâm thương mại, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao.

- Cây xanh đô thị: Xây dựng khu công viên cây xanh đô thị tại thôn Vực Leng, thôn Tà Rụt 1, thôn A Ngo; hệ thống công viên cây xanh dọc sông Đakrông.

- Mặt nước: Bảo tồn, khai thác, phát huy cảnh quan mặt nước tự nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái tại sông Đakrông, suối Prây, suối U Sau, suối Ba Linh.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

8.1. Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đi qua đô thị từ Km293+320 đến Km301+330; Đường huyện ĐH73 đi xã A Vao, A Bung; Tuyến đường băng tải vận chuyển than đá Lào qua cửa khẩu La Lay về cảng Mỹ Thủy.

- Giao thông đối nội: Đường trục chính đô thị có mặt cắt lộ giới là 26,0m; đường chính đô thị có mặt cắt lộ giới 21,0m; đường liên khu vực và đường chính khu vực có mặt cắt lộ giới 15,5m và 13,5m. Đường nội khu có mặt cắt lộ giới 11,5m và 10,0m.

- Bến bãi đỗ xe: Bố trí bến xe loại 4 tại Km297+800 trên tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; bố trí các bãi đỗ xe tại các trung tâm thương mại, công nghiệp, quảng trường, trung tâm văn hóa thể dục thể thao, khu dân cư đô thị.

8.2. Cao độ nền:

- Cao độ nền khống chế theo tính toán chu kỳ lặp lại mực nước ngập đối với khu ở, khu công nghiệp - kho tàng và khu trung tâm, thể dục thể thao là 10 năm; Cao độ nền khống chế theo tính toán chu kỳ lặp lại mực nước ngập đối với khu cây xanh cách ly là 2 năm.

- Cao độ nền: Khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung là $H_{xd} \geq +233,36m$; Khu vực công nghiệp là $H_{xd} \geq +233,56m$.

8.3. Cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ đường dây 35kV đi La Lay.

- Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2035 là 1.513 KVA, đến năm 2045 là 16.915 KVA.

- Lưới điện trung thế (22kV): Xây dựng mới tuyến đường dây 22kV với chiều dài khoảng 6.410 m.

- Trạm hạ thế: Cải tạo nâng công suất các trạm hạ thế 22/0,4kV hiện có cho phù hợp với nhu cầu phụ tải. Bổ sung xây dựng mới các trạm hạ thế 22/0,4kV

cho các khu vực phát triển phụ tải mới. Sử dụng hình thức trạm hạ thế kiểu Kios hoặc trạm một cột cho khu vực trung tâm và các khu phát triển đô thị mới.

8.4. Điện chiếu sáng:

- Cải tạo, nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng theo hướng sử dụng thiết bị có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, gồm: Chiếu sáng không gian công cộng; chiếu sáng mặt ngoài công trình; chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội; chiếu sáng trong khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng.

- Tuyến điện chiếu sáng đi ngầm dùng đèn LED 150 - 250W gắn trên cột thép tròn côn cao 8,0m ÷ 10,0m kết hợp với cần đèn cao 2,0m. Hệ thống dùng cáp ngầm 0,4KV luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực, ống thép đặt cách mặt đất 0,7m. Cột đèn chiếu sáng đặt cách bó vỉa 0,5 - 0,7m.

- Tủ điện điều khiển đóng cắt các tuyến điện chiếu sáng được treo và đấu nối tại cột đường dây cấp điện.

8.5. Cấp nước:

- Nguồn nước: Là nguồn nước mặt tại sông Đakrông.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: Nhu cầu sử dụng nước đến năm 2035 là 2.000 m³/ngày đêm, đến năm 2045 là 4.000 m³/ngày đêm.

- Nhà máy nước: Xây dựng mới nhà máy nước với công suất 4.000 m³/ngày đêm vị trí tại thôn A Pul.

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Mạng lưới đường ống bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ, đường ống sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính từ D200, D110, D63, D32.

- Cấp nước chữa cháy: Sử dụng nguồn nước sinh hoạt kết hợp với nguồn nước mặt (sông, hồ,...). Hạng cứu hỏa được bố trí trên các tuyến ống Φ110mm trở lên, đồng thời phải tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy. Xây dựng các điểm cấp nước mặt (hố ga thu nước mặt) phục vụ cho chữa cháy.

8.6. Thoát nước mưa:

- Lưu vực thoát nước: Toàn đô thị được chia làm 03 lưu vực chính thu nước riêng biệt.

+ Lưu vực 1: Khu vực trung tâm hành chính đô thị thuộc Tà Rụt 1, Tà Rụt 2, Tà Rụt 3. Xây dựng mới hệ thống thoát nước theo các tuyến quy hoạch mới, đồng thời cải tạo, nạo vét các tuyến cống đã xây dựng, bổ sung xây dựng hoàn chỉnh một số tuyến cống đến đường cống chính nhằm đón toàn bộ lưu vực nước mặt thu về các trục tiêu chính và thoát về hạ lưu sông.

+ Lưu vực 2: Khu vực Thương mại - dịch vụ và công nghiệp. Nước mưa thoát về các trục tiêu chính, xây dựng hệ thống thoát nước mặt, hướng thoát chính về hạ lưu sông và một phần nhỏ thoát về các khe suối hiện có. Hệ thống nước thải từ khu vực các nhà máy, xưởng sản xuất có hệ thống xử lý nước thải

riêng; khu vực Logistics, thương mại, dịch vụ được gom về hệ thống xử lý chung trước khi xả ra sông ĐaKrông;

+ Lưu vực 3: bao gồm khu vực thôn A Ngo và Kỳ Neh theo các tuyến giao thông vào hệ thống thu gom chính sau đó thoát ra hướng sông.

- Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng hoàn toàn, bao gồm: Rãnh - hố thu - hố ga - đường cống - cửa xả; Hệ thống thoát nước mưa bố trí ngầm dưới vỉa hè, sử dụng hệ thống ống bê tông ly tâm đúc sẵn có đường kính D600, D800, D1.000.

8.7. Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải: Tổng lưu lượng thoát nước thải giai đoạn ngắn hạn là 1.600 m³/ngày; dài hạn đến năm 2045 là 3.200 m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế: Được thu gom và xử lý riêng, chất lượng nước sau khi xử lý bảo đảm yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận hoặc đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý riêng tại các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm các yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng hệ thống thoát nước sinh hoạt được thiết kế riêng hoàn toàn, sử dụng đường ống nhựa cứng có đường kính D200 ÷ D500 để truyền dẫn và thu gom nước thải.

8.8. Xử lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:

- Vị trí khu xử lý chất thải rắn: Quy hoạch 1 vị trí thu gom xử lý chất thải ở phía Đông Bắc của đô thị với diện tích 3,15 ha.

- Nghĩa trang: Quy hoạch mới 01 nghĩa trang nhân dân tại thôn A Pul. Đối với nghĩa địa hiện hữu xen lẫn trong dân cư sẽ dần dần di dời theo các giai đoạn quy hoạch; quy hoạch nhà tang lễ tại thôn A Pul với diện tích là 0,2 ha.

8.9. Thông tin liên lạc: Xây dựng hệ thống viễn thông đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác có quy mô:

- Cáp: Xây dựng tuyến cáp đồng, cáp quang đi ngầm (đường ống + hố ga cáp); Các đường cáp được chôn ngầm trên trục đường trong khu vực và sử dụng các loại cáp từ 10 đôi đến 2.400 đôi; Cáp trong mạng nội bộ của khu dân cư chủ yếu sử dụng loại cáp đi trong cống bê (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5 - 0,6 mm.

- Tuyến cống bê: Đầu tư xây dựng mới các tuyến cống bê trong khu vực; Khoảng cách các bể cáp trung bình từ 70 m đến 120 m; Sử dụng ống nhựa PVC màu vàng cam có đường kính 110 x 5 mm dày 5 ly nông 1 đầu; Các tuyến cống bê sẽ được đi ngầm dưới độ sâu > 0,6 m; những vị trí lắp đặt cống cáp qua đường thì lắp ống nhựa PVC chịu lực có đường kính 110 x 5 mm độ dày 6,8 mm chôn sâu trên 1,0 m.

8.10. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường bằng việc kiểm soát ô nhiễm tại các khu vực có các tuyến giao thông lớn.

- Xây dựng đô thị xanh tiết kiệm năng lượng; hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến các suối nước tự nhiên và lòng sông Đakrông; dành nhiều diện tích đất cho không gian xanh để tạo sự cân bằng sinh thái.

- Tổ chức phân vùng kiểm soát, bảo vệ môi trường, kiểm soát môi trường các khu đô thị và các vùng lân cận.

9. Nội dung quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Quy định hướng dẫn quản lý đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, bảo vệ, sử dụng hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo đúng đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2045.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh cho ý kiến về đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2045 làm cơ sở để UBND tỉnh trình Bộ Xây dựng lấy ý kiến thống nhất về đồ án và triển khai các bước tiếp theo quy định./. *mm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Đakrông;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *W*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng